

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 12 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN VII: NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CUỐI KHÓA

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Lê Thái Anh	8.0	Tám	
2	Trần Thị Vân Anh	7.5	Bảy rưỡi	
3	Trần Thị Ngọc Anh	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bích	8.0	Tám	
5	Trần Thị Bích	7.0	Bảy	
6	Đinh Văn Bình	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thanh Bình	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Hải Chiêu	7.0	Bảy	
9	Ngô Tiến Chức	8.0	Tám	
10	Nguyễn Viết Công	7.0	Bảy	
11	Trần Đoàn Cường	7.5	Bảy rưỡi	
12	Vũ Khắc Doanh	7.0	Bảy	
13	Tạ Việt Dũng	7.5	Bảy rưỡi	
14	Bùi Quý Dương	7.0	Bảy	
15	Đặng Thị Thùy Dương	7.0	Bảy	
16	Lê Thùy Dương	7.0	Bảy	
17	Ngô Thị Thanh Giang	6.5	Sáu rưỡi	
18	Dương Thị Đoàn	7.5	Bảy rưỡi	
19	Cù Xuân Đức	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Lam Giang	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thu Hà	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Thị Hà	7.0	Bảy	



4

STT	Họ và tên	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Đồng Thị Thúy Hằng	8.0	Tám	
24	Nguyễn Thị Hạnh	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hiền	8.0	Tám	
27	Trần Thị Hiền	8.0	Tám	
28	Hoàng Thị Hiền	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Văn Hiền	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7.0	Bảy	
31	Triệu Thị Thanh Hoa	8.0	Tám	
32	Hà Ngọc Hòa	7.5	Bảy rưỡi	
33	Lê Thị Thanh Hòa	7.5	Bảy rưỡi	
34	Lê Xuân Hồng	8.0	Tám	
35	Hoàng Ngọc Huân	7.0	Bảy	
36	Ngô Mạnh Hùng	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Đức Hùng	7.0	Bảy	
38	Ngô Quốc Hưng	7.0	Bảy	
39	Lê Thị Việt Hương	8.0	Tám	
40	Lê Thị Hương	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Hường (A)-1979	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Hường (B)1974	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Hường (C)1976	8.5	Tám rưỡi	
44	Nguyễn Thị Hường (D)1985	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Trường Huy	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Xuân Khương	8.0	Tám	
47	Hoàng Thị Phong Lan	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thị Thanh Lan	7.5	Bảy rưỡi	
49	Lê Thị Lan	8.0	Tám	
50	Nguyễn Thị Hồng Liên	7.5	Bảy rưỡi	
51	Hoàng Thị Lụa	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Lương Văn Luân	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Lý	8.0	Tám	
54	Lưu Thị Lý	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị Mận	7.0	Bảy	
56	Trần Thị Hồng Minh	6.5	Sáu rưỡi	
57	Phạm Thị Tuyết Minh	8.0	Tám	
58	Nguyễn Thị Tuyết Mươi	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Huy Nam	8.0	Tám	
60	Nguyễn Thị Nga	7.0	Bảy	
61	Nguyễn Thị Phú	6.5	Sáu rưỡi	
62	Trịnh Văn Quân	7.0	Bảy	
63	Triệu Hoàng Quân	7.0	Bảy	
64	Đoàn Tiến Quân	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Hữu Quảng	7.5	Bảy rưỡi	
66	Dương Thị Hồng Quyên	8.5	Tám rưỡi	
67	Mẫn Thị Quyên	8.5	Tám rưỡi	
68	Nguyễn Thị Hằng Sa	7.5	Bảy rưỡi	
69	Vũ Văn Sáng	8.0	Tám	
70	Phan Thanh Sơn	7.5	Bảy rưỡi	
71	Đặng Thái Sơn	7.5	Bảy rưỡi	
72	Hoàng Thị Thắm	7.5	Bảy rưỡi	
73	Lê Minh Thắng	7.5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Chí Thanh	7.5	Bảy rưỡi	
75	Lê Chí Thành	7.5	Bảy rưỡi	
76	Trần Thị Thao	7.5	Bảy rưỡi	
77	Trần Thị Phương Thảo	7.5	Bảy rưỡi	
78	Hà Kim Thiếp	7.5	Bảy rưỡi	
79	Nguyễn Thị Thoa	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
81	Nguyễn Thị Thủy (A)1976	8.0	Tám	
82	Nguyễn Thị Thủy (B)-1980	7.0	Bảy	
83	Lê Thu Thủy	8.0	Tám	
84	Vũ Văn Tiến	7.5	Bảy rưỡi	
85	Hà Đức Tô	7.5	Bảy rưỡi	
86	Đồng Thành Trình	7.5	Bảy rưỡi	
87	Lại Xuân Trường	7.0	Bảy	
88	Phan Anh Tuấn	7.5	Bảy rưỡi	
89	Lường Công Tuấn	7.0	Bảy	
90	Trần Văn Tùng	7.5	Bảy rưỡi	
91	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7.5	Bảy rưỡi	
92	Trịnh Hoàng Vân	8.0	Tám	
93	Đỗ Thị Viện	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên